

NHU CẦU VIỆC LÀM CỦA PHỤ NỮ YẾU THẾ Ở THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG HIỆN NAY

• Phan Thái Bích Thủy^(*)

TÓM TẮT

Nghiên cứu nhằm mục đích xác định những mong muốn, đòi hỏi của phụ nữ yếu thế hiện nay đối với việc làm, qua đó, cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoạch định chính sách đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho nhóm yếu thế. Số liệu của nghiên cứu được thu thập từ 384 phụ nữ yếu thế trong độ tuổi lao động hiện đang sinh sống tại thành phố Long Xuyên. Các phương pháp kiểm định Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố, thống kê mô tả và kiểm định ANOVA được sử dụng trong nghiên cứu. Kết quả cho thấy phụ nữ yếu thế quan tâm đến nhu cầu để tồn tại thông qua công việc hơn là nhu cầu để phát triển. Trong đó, nhu cầu ưu tiên là nhu cầu có được một công việc ổn định.

Từ khoá: nhu cầu việc làm, phụ nữ yếu thế, thành phố Long Xuyên.

1. Đặt vấn đề

Đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người yếu thế là một trong những vấn đề then chốt trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội hướng tới an sinh việc làm của nước ta hiện nay. Thông qua Luật Lao động, Luật Việc làm, Luật Giáo dục nghề nghiệp, Luật Người khuyết tật, Luật Bình đẳng giới và hàng loạt các chương trình như: Chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo, Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020... Việt Nam đã thể hiện sự quan tâm với những nhóm yếu thế trong xã hội và cam kết với thế giới về thực hiện các chính sách để thúc đẩy việc làm, tạo việc làm bền vững, đặc biệt cho các nhóm yếu thế, giúp họ sớm hòa nhập xã hội. Mặc dù, Chính phủ đã tạo ra cơ sở pháp lý vững chắc nhưng trong thực tiễn triển khai chính sách việc làm cho người yếu thế hiện nay lại đang gặp phải nhiều khó khăn, dẫn đến hiệu quả chưa đạt được như mong đợi. Thực trạng đào tạo nghề và giải quyết việc làm ở nước ta hiện nay cho thấy rằng phụ nữ yếu thế dường như gặp khó khăn hơn nam giới trong việc tiếp cận việc làm. Điều này xuất phát từ nhiều nguyên nhân. Một trong những nguyên nhân được chỉ ra là việc hoạch định chính sách hiện nay chưa gắn với nhu cầu của nhóm lao động nữ yếu thế. Vì vậy, đánh giá nhu cầu việc làm của phụ nữ yếu thế làm cơ sở cho việc xây dựng các chính sách việc làm dành cho lao động nữ yếu thế là việc làm cần thiết.

Kết quả nghiên cứu được thu thập từ 384 phiếu khảo sát nhu cầu việc làm của phụ nữ yếu thế ở

thành phố Long Xuyên và 40 mẫu phỏng vấn sâu (bao gồm: phỏng vấn sâu 30 phụ nữ yếu thế và 10 cán bộ địa phương). Mẫu định lượng được chọn theo công thức của Slovin (1960) dựa trên tổng thể là 10.312 phụ nữ yếu thế thuộc 5 nhóm: khuyết tật, di cư, nhiễm HIV/AIDS, nạn nhân bạo lực gia đình và hộ nghèo. Mẫu phân bố trên 4 địa bàn có đông phụ nữ yếu thế cư trú, bao gồm: phường Mỹ Phước và phường Bình Khánh (khu vực nội ô), phường Mỹ Thạnh và phường Mỹ Hòa (khu vực ngoại ô). Các cấp độ của nhu cầu việc làm được đánh giá qua thang Likert 5 điểm. Các phương pháp phân tích dữ liệu từ phần mềm SPSS 15.0 được sử dụng trong nghiên cứu bao gồm: thống kê mô tả (tần suất và số trung bình), kiểm định Chi-bình phương (Chi-Square), kiểm định trị trung bình của hai mẫu phối hợp từng cặp (Paired-Samples T-test), đánh giá độ tin cậy của thang đo (kiểm định Cronbach's Alpha), phân tích nhân tố khám phá (EFA) và phân tích phương sai (ANOVA).

2. Các khái niệm

Nhóm yếu thế/thiệt thòi (disadvantaged group) hay nhiều nơi được gọi là nhóm dễ bị tổn thương (vulnerable group) được sử dụng rất phổ biến trong các văn kiện pháp lý quốc tế và trong hoạt động nghiên cứu, thực tiễn về quyền con người trên thế giới. Mặc dù chưa có định nghĩa chung chính thức về nhóm yếu thế, tuy nhiên, có thể hiểu *nhóm yếu thế là nhóm xã hội đặc biệt, có hoàn cảnh khó khăn hơn, có vị thế xã hội thấp kém hơn so với các nhóm xã hội "bình thường" có đặc điểm tương tự. Họ gặp phải hàng loạt thách thức, ngăn cản khả năng hòa nhập của họ vào đời sống cộng đồng* [9]. Nhóm yếu thế bao gồm những người ăn xin,

^(*) Trường Đại học An Giang.

người tàn tật, người nghèo, tù nhân, gái mại dâm, người thất nghiệp, người lang thang cơ nhỡ, người di cư, người bị bạo lực gia đình, nạn nhân buôn bán người, người bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS, người dân tộc... Trong các nhóm yếu thế, nữ giới bao giờ cũng được xem là yếu thế hơn so với nam giới vì dễ bị phân biệt đối xử hơn và chịu nhiều tổn thương kép. Trong bài viết này, chúng tôi giới hạn nghiên cứu phụ nữ yếu thế trong độ tuổi lao động (15 đến 55 tuổi) ở khu vực thành thị; do đó, chỉ xem xét 05 nhóm phụ nữ, bao gồm: phụ nữ khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, phụ nữ di cư, phụ nữ nhiễm HIV/AIDS và phụ nữ là nạn nhân của bạo lực gia đình. Đa số phụ nữ yếu thế ở thành phố Long Xuyên hiện nay có trình độ học vấn thấp (từ tiểu học trở xuống - 59,8%) và không có chuyên môn gì đáng kể. Rất ít trong số họ được đào tạo nghề nhưng chỉ là các lớp ngắn hạn (3 tháng) và hầu như chỉ làm những công việc giản đơn, lao động chân tay và theo thời vụ. Có đến 32,5% phụ nữ yếu thế trong tình trạng thất nghiệp cho đến thời điểm khảo sát. Do đó, tiếp cận việc làm là một khó khăn lớn đối với phụ nữ yếu thế.

Tìm hiểu nhu cầu việc làm của phụ nữ yếu thế

Bảng 1. Kết quả đánh giá độ tin cậy của thang đo nhu cầu việc làm của phụ nữ yếu thế

Nhu cầu việc làm	Tương quan biến tổng	Hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến này
Nhu cầu sinh học cơ bản (Cronbach's Alpha = 0,842)		
SH1-Mong muốn được trả lương ổn định	0,493	0,852
SH2-Mong muốn công việc có những khoản trợ cấp, phúc lợi và bảo hiểm xã hội	0,631	0,815
SH3-Mong muốn nơi làm việc được trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp	0,733	0,791
SH4-Mong muốn được bố trí thời gian làm việc, nghỉ ngơi hợp lý	0,732	0,787
SH5-Mong muốn có việc làm gần nhà	0,676	0,802
Nhu cầu an toàn (Cronbach's Alpha = 0,865)		
AT1-Mong muốn có việc làm an toàn cho sức khỏe và tính mạng	0,750	0,814
AT2-Mong muốn một công việc không có áp lực tinh thần	0,715	0,828
AT3-Mong muốn có công việc ổn định	0,666	0,849
AT4-Mong muốn được hưởng các chế độ nghỉ, bệnh, thai sản, biến cố gia đình	0,731	0,821
Nhu cầu xã hội (Cronbach's Alpha = 0,895)		
XH1-Mong muốn được gắn kết trong tập thể	0,813	0,838
XH2-Mong muốn lãnh đạo, quản lý thân thiện	0,836	0,816
XH3-Mong muốn khách hàng tín nhiệm, không kỳ thị	0,744	0,902
Nhu cầu được tôn trọng (Cronbach's Alpha = 0,861)		
TT1-Mong muốn có địa vị cao	0,633	0,856

là tìm hiểu những mong muốn, đòi hỏi có được việc làm phù hợp cá nhân nhằm giúp phụ nữ yếu thế hòa nhập xã hội và có cơ hội phát triển bản thân. Nhu cầu việc làm được đánh giá dựa trên thang nhu cầu 5 bậc của Maslow được cụ thể hóa thành 19 biến quan sát thành phần gắn với đặc trưng của những yêu cầu của người lao động đối với công việc được cụ thể hóa bởi Trương Minh Đức (2011) [3], đồng thời, có sự tham khảo từ các nghiên cứu có liên quan về việc làm của người khuyết tật [8], người khiếm thính [7], người sống chung với HIV và người sau cai nghiện [4], phụ nữ bị buôn bán trở về [2], người nhập cư [6],...

3. Kiểm định thang đo

Thang đo được đánh giá sơ bộ qua hai công cụ chính là hệ số tin cậy Cronbach's Alpha và phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA). Kết quả kiểm tra độ tin cậy Cronbach's Alpha cho thấy thang đo nhu cầu việc làm có độ tin cậy cao với hệ số Cronbach's Alpha tổng là 0,95. Tuy nhiên, trong số 19 biến thành phần, các biến SH1, XH3, TT4 và TH3 có giá trị Cronbach's Alpha lớn so hệ số Cronbach's Alpha tổng nên bị loại. Do đó, nghiên cứu chỉ chấp nhận 15 biến trong phân tích.

TT2-Mong muốn được đồng nghiệp tôn trọng	0,850	0,770
TT3-Mong muốn lãnh đạo quan tâm, khích lệ	0,777	0,793
TT4-Mong muốn được đánh giá đúng về năng lực bản thân	0,635	0,868
Nhu cầu tự thể hiện (Cronbach's Alpha = 0,858)		
TH1-Mong muốn có cơ hội học tập và đào tạo	0,784	0,749
TH2-Mong muốn có cơ hội thăng tiến, lập thành tích trong công việc	0,780	0,760
TH3-Mong muốn có công việc có thể tạo cho bản thân sự thích thú	0,640	0,887

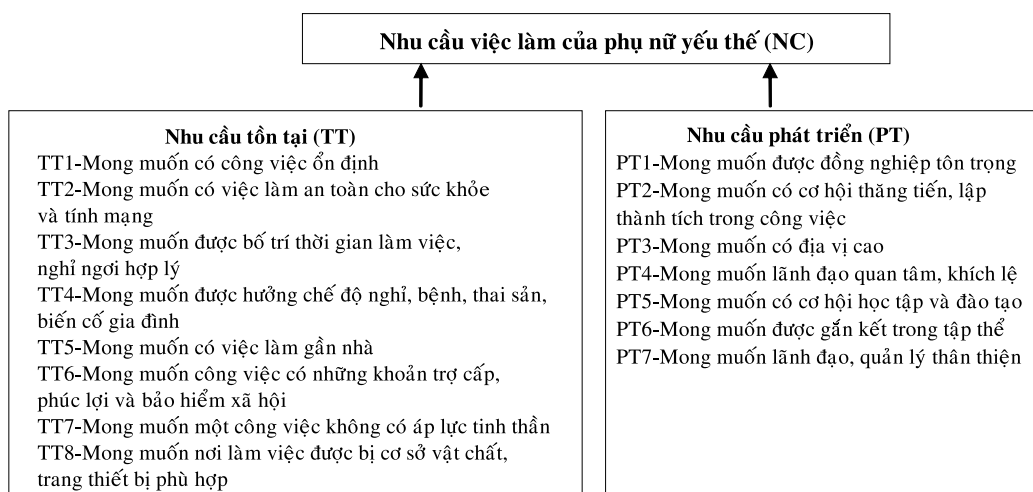
Để nhóm gọn các biến quan sát ban đầu thành những nhân tố mới có ý nghĩa, đồng thời phát hiện cấu trúc tiềm ẩn giữa các nhân tố ban đầu theo dữ liệu thực tế nhằm hình thành những nhân tố mới có ý nghĩa sát với thực tế nghiên cứu, phương pháp phân tích nhân tố (EFA) đã được thực hiện tiếp theo. Kết quả phân tích nhân tố khám phá với các kiểm định được đảm bảo như sau: (1) Độ tin cậy của các biến quan sát (Factor loading > 0,5); (2) Kiểm định tính thích hợp của mô hình ($0,5 < KMO = 0,941 < 1$); (3) Kiểm định Bartlett về tương quan của các biến quan sát ($Sig = 0,000 < 0,005$); (4) Kiểm định phương sai cộng dồn = 68,999% > 50%). Các biến quan sát đều có hệ số tải lớn hơn 0,5 nên đều được giữ lại. Qua kết quả phân tích nhân tố, có 2 nhân tố mới được hình thành là F1 và F2. Cụ thể, nhân tố F1 gồm 8 biến tương quan chặt chẽ với nhau là: AT3, AT1, SH4, AT4, SH5, SH2, AT2, SH3. Nhân tố F1 có đặc điểm chung về sự đòi hỏi thỏa mãn các nhu cầu để tồn tại nên được đặt tên là “nhu cầu tồn tại” (TT). Nhân tố F2 gồm 7 biến quan sát tương quan chặt chẽ với nhau: TT2, TH2, TT1, TT3, TH1, XH1, XH2. Nhân tố F2 có đặc điểm chung về sự

đòi hỏi thỏa mãn các nhu cầu để phát triển nên được đặt tên là “nhu cầu phát triển” (PT).

Bảng 2. Kết quả phân tích nhân tố khám phá

Biến quan sát	Ma trận xoay nhân tố	
	F1	F2
AT3	0,799	
AT1	0,798	
SH4	0,787	
AT4	0,759	
SH5	0,737	
SH2	0,725	
AT2	0,718	
SH3	0,694	
TT2		0,872
TH2		0,835
TT1		0,830
TT3		0,804
TH1		0,723
XH1	0,519	0,630
XH2		0,626

Như vậy, ta có mô hình nghiên cứu được hiệu chỉnh như sau:



Hình 1. Mô hình nghiên cứu hiệu chỉnh

4. Đánh giá nhu cầu việc làm của phụ nữ yếu thế

Kết quả thống kê mô tả cho thấy phụ nữ yếu thế có nhu cầu đối với việc làm và nhu cầu này ở bậc thấp (giá trị trung bình đại diện = 1,56). Theo lý thuyết về nhu cầu, chỉ khi nào nhu cầu bậc thấp được thỏa mãn mới nảy sinh nhu cầu bậc cao. Điều này cho thấy đối với nhu cầu bậc thấp - nhu cầu cơ bản nhất đối với một công việc, phụ nữ yếu thế thành phố Long Xuyên hiện nay vẫn chưa được đáp ứng. Thực tế đã khẳng định điều này khi mà khảo sát cho thấy 79,6% phụ nữ yếu thế hiện vẫn chưa có nghề nghiệp ổn định, họ tham gia lao động tự do với những công việc giản đơn khá bấp bênh, 74% người có thu nhập thấp (từ 3 triệu/tháng trở xuống) và hầu như không được hưởng các chế độ lao động. Có nhiều nguyên nhân tác động khiến cho nhu cầu việc làm của phụ nữ yếu thế trong thành phố chỉ dừng lại ở nhu cầu bậc thấp. Một trong những nguyên nhân cơ bản là vấn đề trình độ, năng lực. Thực tế kiểm định ANOVA đã khẳng định rằng nhu cầu việc làm của phụ nữ yếu thế có mối liên hệ với trình độ học vấn. Theo đó, phụ nữ yếu thế có trình độ học vấn càng cao thì nhu cầu việc làm càng tăng dần ở mức độ cao hơn. Do vậy, với thực tế 59,8% phụ nữ tốt nghiệp Tiểu học trở xuống và 31% phụ nữ chỉ tốt nghiệp trung học cơ sở thì phụ nữ yếu thế chỉ đặt ra những yêu cầu rất thấp đối với công việc cũng là điều dễ hiểu bởi vì những công việc tốt luôn đòi hỏi trình độ học vấn, tay nghề nhất định. Đặc biệt là trong bối cảnh thành phố Long Xuyên đang có sự tăng trưởng mạnh mẽ về kinh tế thì sự cạnh tranh trong thị trường lao động là không thể tránh khỏi.

Hộp thông tin 1

“Em không mong muốn gì hơn. Em chỉ cần một công việc đủ cho em trang trải cuộc sống là vui rồi” (Phòng vấn sâu số 24, 28 tuổi, phụ nữ nghèo, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên).

“Mình bị khiếm khuyết, không bằng ai thì có mong gì một công việc như người ta. Cần lắm một công việc có thu nhập đủ sống là được, với lại phù hợp với sức khỏe để mình có thể làm hàng ngày” (Phòng vấn sâu số 13, 33 tuổi, phụ nữ khuyết tật, phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên).

“Thấy người ta làm kỹ sư, bác sĩ, lương bồng bềnh, mình cũng ham lắm nhưng nghĩ phận mình học không tới đâu, gánh gồng cả gia đình xuống Long Xuyên cũng chỉ để kiếm cơm ngày ba bữa thì công việc gì cũng được, miễn là có thu nhập hàng ngày, không sợ chết đói” (Phòng vấn sâu số 19, 35 tuổi, phụ nữ di cư, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên).

Phụ nữ yếu thế dường như chưa tiếp cận tốt với các chính sách việc làm của thành phố. Họ ít

tham gia vào các lớp đào tạo nghề do phải dành thời gian cho cuộc mưu sinh hàng ngày. Điều này khiến cho việc tìm kiếm việc làm ngày càng trở nên khó khăn hơn do trình độ học vấn và tay nghề không đủ đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng. Do đó, hầu như nhu cầu thấp nhất - nhu cầu có được một công việc ổn định, có thu nhập cũng đã là điều khó đạt được. Hơn nữa, nghiên cứu cũng cho thấy phụ nữ khuyết tật, phụ nữ nhiễm HIV/AIDS vẫn đang đối mặt với sự kỳ thị của cộng đồng. Điều này là một rào cản lớn để họ tiếp cận được việc làm. Chính vì vậy, những chính sách việc làm của thành phố cần phải tập trung giải quyết nhu cầu bậc thấp - nhu cầu trước mắt là có được việc làm phù hợp và đảm bảo về sức khỏe, học vấn, tâm lý và sự kỳ thị.

Hộp thông tin 2

“Do trình độ học vấn của phụ nữ yếu thế thấp, nếu các doanh nghiệp có thu họ vào làm thì khả năng tiếp thu công việc của họ không được cao, phương pháp đào tạo nghề đối với phụ nữ yếu thế chủ yếu là cầm tay chỉ việc do nhận thức của người học nghề chưa cao” (Phòng vấn sâu số 38, nam, 42 tuổi, cán bộ phường Mỹ Thạnh).

“Phụ nữ yếu thế ở thành phố hiện nay chủ yếu cũng chỉ muốn một công việc ổn định nhưng nhiều khi khó khăn quá. Nhiều chương trình dạy nghề có triển khai cho họ, thậm chí cho tiền nhưng cũng ít người chịu đi học do hàng ngày phải buôn gánh bán bưng, nghỉ một ngày là coi như không có tiền ăn” (Phòng vấn sâu số 36, nữ, 36 tuổi, cán bộ phường Mỹ Hòa).

So sánh giữa hai nhóm nhu cầu thì ta thấy rõ ràng, phụ nữ yếu thế có nhu cầu tồn tại (trị trung bình = 1,73, mức độ trung bình) cao hơn so với nhu cầu phát triển thông qua công việc (trị trung bình = 1,40, mức độ thấp). Như vậy, nhu cầu đòi hỏi trước tiên của phụ nữ yếu thế đối với công việc hiện nay là mong muốn được nâng cao đời sống và điều kiện làm việc của họ còn nhu cầu để hòa nhập xã hội và phát triển bản thân thì lại không quan trọng. Sự quan tâm của phụ nữ yếu thế hiện nay là một công việc đơn giản đủ để đem lại thu nhập nuôi sống gia đình và an toàn cho bản thân chứ không dám kỳ vọng vào một công việc tốt với những cơ hội để phát triển.

Xét ở nhóm nhu cầu để tồn tại, ta thấy mong muốn có công việc ổn định là nhu cầu cao nhất TT1 (trị trung bình = 1,98) trong khi nhu cầu được trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp TT8 là nhu cầu thấp nhất (trị trung bình = 1,53). Có thể nói, đối với phụ nữ yếu thế, việc có được một công việc ổn định để duy trì cuộc sống là nhu cầu ưu tiên nhất. Điều này cũng được khẳng định qua kết quả thu

được từ phỏng vấn sâu cán bộ địa phương: “Trong những nhu cầu việc làm của phụ nữ yếu thế, nhu cầu quan trọng nhất là nhu cầu có việc làm và thu nhập ổn định” (Phỏng vấn sâu số 35, nam, 43 tuổi, cán bộ phường Bình Đức); “Nhu cầu lớn nhất là phụ nữ muốn có công việc làm ổn định” (Phỏng vấn sâu số 31, nữ, 31 tuổi, cán bộ phường Bình Khánh). Trong khi đó, xét ở nhóm nhu cầu để phát triển, nghiên cứu nhận thấy nhu cầu học tập và đào tạo là nhu cầu cao nhất PT5 (trị trung bình = 1,52) trong khi nhu cầu thấp nhất là nhu cầu mong muốn có địa vị cao PT3 (trị trung bình = 1,22). Điều này phản ánh những mong muốn của phụ nữ yếu thế đối với việc nâng cao trình độ tay nghề, chuyên môn của bản thân, gắn mật thiết với nhu cầu có được một công việc mang lại thu nhập ổn định.

Bảng 3. Nhu cầu việc làm của phụ nữ yếu thế thành phố Long Xuyên thể hiện qua 15 thành tố

Biến số	Nội dung	Trị trung bình
TT	Nhu cầu để tồn tại	1,73
TT1	Mong muốn có công việc ổn định	1,98
TT6	Mong muốn có những khoản trợ cấp, phúc lợi và bảo hiểm xã hội	1,84
TT5	Mong muốn có việc làm gần nhà	1,79
TT2	Mong muốn có việc làm an toàn cho sức khỏe và tinh mạng	1,74
TT7	Mong muốn công việc không có áp lực tinh thần	1,68
TT3	Mong muốn được bố trí thời gian làm việc, nghỉ ngơi phù hợp	1,65
TT4	Mong muốn được hưởng các chế độ nghỉ, bệnh, thai sản, biển cố gia đình	1,62
TT8	Mong muốn nơi làm việc được trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp	1,53
PT	Nhu cầu để phát triển	1,40
PT5	Mong muốn có cơ hội học tập và đào tạo	1,52
PT4	Mong muốn lãnh đạo quan tâm, khích lệ	1,46
PT2	Mong muốn được thăng tiến, lập thành tích trong công việc	1,43
PT1	Mong muốn được đồng nghiệp tôn trọng	1,38
PT6	Mong muốn được gắn kết trong tập thể	1,38
PT7	Mong muốn lãnh đạo, quản lý thân thiện	1,37
PT3	Mong muốn có địa vị cao	1,22

Đánh giá nhu cầu việc làm của phụ nữ yếu thế với sự xếp hạng thang bậc các nhu cầu cho thấy rằng đối với phụ nữ yếu thế, sự mong muốn có được một việc làm ổn định, được hưởng những chế độ

đãi ngộ và bảo đảm an toàn đủ để họ duy trì công việc nuôi sống bản thân và gia đình là ưu tiên nhất. Đó là nhu cầu hết sức thiết thực, phù hợp với thực tế điều kiện (trình độ học vấn, tay nghề, sức khỏe, mối quan hệ, vốn...) và tình trạng việc làm của họ trong thực tại (thiếu ổn định, không được hưởng các chế độ dành cho người lao động...). Tâm lý tự ti, mặc cảm bản thân đã giới hạn nhu cầu của họ đối với việc làm. Đặc biệt, có rất ít phụ nữ yếu thế nghĩ rằng bản thân họ sẽ được phát triển trong chính công việc của họ, thậm chí là những phụ nữ trẻ tuổi. Những kết quả này rất phù hợp với phát hiện của Quách Thị Hồng (2010) “Phụ nữ nhập cư có nhu cầu có công việc ổn định lâu dài là chủ yếu và không có nhu cầu thăng tiến trong công việc” [6] hay như kết quả của Nguyễn Thị Thu Hoài (2013) “Trong các nhu cầu hỗ trợ việc làm của phụ nữ khuyết tật nổi lên 2 nhu cầu lớn là học nghề và giới thiệu/tạo việc làm” [5];... Ở một khía cạnh khác, điều này sẽ tạo ra tâm lý an phận, ít có sự phấn đấu trong nghề nghiệp của những phụ nữ yếu thế trong thành phố, dẫn đến vòng lẩn quẩn của thiếu việc làm và nghèo đói.

Hộp thông tin 3

“Thường thì những phụ nữ yếu thế sẽ có những mặc cảm và tinh thần không được thoải mái nên đi làm một thời gian họ cũng nghỉ” (Phỏng vấn sâu số 32, nữ, 34 tuổi, cán bộ phường Mỹ Phước).

“Vẫn còn bị phân biệt đối xử, kỳ thị xã hội, sức khỏe kém trong công việc, còn bị thiệt thòi về giá lao động được trả thấp hơn nên phụ nữ yếu thế nhiều khi cũng không trụ được trong công việc” (Phỏng vấn sâu số 37, nam, 39 tuổi, cán bộ phường Mỹ Thạnh).

“Nhiều chị em gia đình nghèo nhưng phải ở nhà lo nội trợ và chăm sóc con nhỏ cho chồng đi làm nên cũng chỉ muốn nhận công việc về nhà để tăng thu nhập lo cho gia đình chứ không muốn đi làm” (Phỏng vấn sâu số 39, nữ, 33 tuổi, cán bộ Hội phụ nữ thành phố).

Do nhu cầu việc làm thấp và không có ý định phát triển trong sự nghiệp nên có thể nói, các công việc mong muốn của phụ nữ yếu thế hiện nay phần lớn cũng chỉ là những công việc lao động giản đơn, không đòi hỏi trình độ như may gia công, giúp việc gia đình, buôn bán dạo và tự mình kinh doanh (bán thức ăn, làm tóc, làm móng chân tay (nail)...). Có rất ít phụ nữ yếu thế của thành phố mong muốn làm nhân viên cho các cơ quan/công ty/cửa hàng. Do đó, chính sách việc làm của thành phố cần tập trung vào hai khía cạnh: cung cấp kỹ năng nghề nghiệp gắn trực tiếp với giới thiệu việc làm (may

gia công, làm tóc, giúp việc gia đình) và cho vay vốn ưu đãi (buôn bán). Trong đó, ngành lao động cần quan tâm mở các lớp may gia công cho đối tượng phụ nữ yếu thế vì đây là nhu cầu lớn nhất, phù hợp với đa số phụ nữ yếu thế.

Bảng 4. Công việc mong muốn của phụ nữ yếu thế

STT	Công việc mong muốn	Tỷ lệ %
1	Nhân viên cơ quan nhà nước	6,6
2	Nhân viên công ty, xí nghiệp	6,6
3	Nhân viên cửa hàng kinh doanh, dịch vụ	2,2
4	Buôn bán dạo lề đường	14,3
5	Buôn bán nhỏ tại nhà	12,1
6	Làm nông	1,1
7	May gia công	30,8
8	Làm tóc	5,5
9	Massage	1,1
10	Giúp việc gia đình	18,7
11	Khác	1,1
Tổng cộng		100,0

Nghiên cứu cũng cho thấy rằng phụ nữ nhiễm HIV/AIDS muốn giúp việc cho các gia đình nhiều nhất, tuy nhiên, đây sẽ là một khó khăn vì liên quan đến vấn đề kỳ thị. Trong khi đó, phụ nữ bị bạo lực gia đình muốn làm cho công ty/xí nghiệp để nâng cao vai trò, vị trí của bản thân; đó cũng là một giải pháp để hạn chế tình trạng bạo lực gia đình. So với các nhóm phụ nữ yếu thế khác thì nhóm này có nhiều lợi thế hơn để tiếp cận với yêu cầu việc làm của các công ty/xí nghiệp xét ở khía cạnh trình độ và sự phân biệt đối xử. Đối với nhóm phụ nữ khuyết tật, mong muốn lớn nhất của họ là được buôn bán tại nhà do vấn đề sức khỏe và sự kỳ thị. Đây là mong muốn hợp lý, điều quan trọng là phải cung cấp cho họ nguồn vốn nhỏ để khởi nghiệp. Riêng đối với nhóm phụ nữ nghèo và phụ nữ di cư, nhu cầu được may gia công tại nhà là nhu cầu ưu tiên nhất. Vì vậy, trong chính sách việc làm chung, cần tập trung vào việc giải quyết nhu cầu này. Cần lưu ý rằng, đào tạo nghề may gia công cho phụ nữ yếu thế cần được triển khai theo hai hướng, một là gắn với nhu cầu của doanh nghiệp tại địa phương để tạo ra việc làm tại chỗ, hai là tìm đầu ra cho sản phẩm để đáp ứng nhu cầu làm việc tại nhà.

5. Kết luận và khuyến nghị

5.1. Kết luận

Quan tâm nhu cầu việc làm và giải quyết việc

làm cho những nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội, đặc biệt là phụ nữ yếu thế là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài đối với công tác quản lý đô thị bởi vì việc làm là nền tảng căn bản cho sự phát triển, giảm đói nghèo và tính dễ bị tổn thương. Ở các thành phố nói chung và thành phố Long Xuyên nói riêng, nhu cầu việc làm của phụ nữ yếu thế vẫn chưa được quan tâm sâu sắc. Hệ quả là, họ gần như thiệt thòi hơn so với nam giới trong việc tiếp cận việc làm.

Kết quả khảo sát đã khẳng định:

- Phụ nữ yếu thế mong muốn một công việc để giúp họ tồn tại (nhu cầu bậc thấp) hơn là có thể phát triển bản thân (nhu cầu bậc cao). Trong đó, nhu cầu ưu tiên là nhu cầu có được một công việc ổn định.

- Việc làm mong muốn nhất của phụ nữ yếu thế ở thành phố Long Xuyên hiện nay là may công nghiệp, kế đến là lao động giúp việc gia đình, buôn bán dạo và buôn bán nhỏ tại nhà. Trong khi những phụ nữ nhiễm HIV/AIDS mong muốn được giúp việc cho các gia đình nhiều nhất thì những phụ nữ khuyết tật hầu như chỉ muốn được hỗ trợ vay vốn để buôn bán tại nhà. Những phụ nữ nghèo, phụ nữ di cư mong muốn được đào tạo nghề và có thể nhận may gia công tại nhà trong khi phần lớn phụ nữ bị bạo lực gia đình muốn được tìm việc tại các công ty, xí nghiệp.

5.2. Khuyến nghị

Để giúp phụ nữ yếu thế có được việc làm phù hợp với nhu cầu của họ, một số khuyến nghị về chính sách được đặt ra là:

Đối với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh An Giang

Có chính sách đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho phụ nữ yếu thế thông qua việc đào tạo nghề gắn với việc làm, tìm nguồn ra sản phẩm, hỗ trợ vốn vay ưu đãi, giới thiệu việc làm. Đặc biệt chú trọng hỗ trợ vốn vay để phụ nữ yếu thế tự kinh doanh nhỏ do khó khăn tiếp cận công việc hưởng lương.

Chỉ đạo Trung tâm giới thiệu việc làm mở các lớp dạy nghề đặc thù theo nhu cầu phụ nữ yếu thế trên cơ sở kết quả khảo sát nhu cầu trước khi mở lớp; đồng thời, cung cấp dịch vụ việc làm thường xuyên dành cho đối tượng phụ nữ yếu thế.

Đối với Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội thành phố Long Xuyên

Các lớp dạy nghề của thành phố cần chú trọng đào tạo các kỹ năng sau: may công nghiệp, kỹ năng giúp việc gia đình, kiến thức kinh doanh cá thể, tìm

kiếm nguồn hàng, kết nối đầu vào đầu ra phục vụ buôn bán tự do. Ở khía cạnh việc làm, cần liên kết các doanh nghiệp địa phương để giới thiệu việc làm tại chỗ cho phụ nữ bị bạo lực gia đình; tìm đầu ra cho sản phẩm may công nghiệp của phụ nữ nghèo, phụ nữ di cư; giới thiệu việc làm giúp việc gia đình cho phụ nữ nhiễm HIV/AIDS và hỗ trợ vốn vay khởi nghiệp cho phụ nữ khuyết tật.

Cần thành lập Quỹ việc làm dành cho phụ nữ yếu thế để sử dụng cho hoạt động đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho nhóm đối tượng này. Quỹ này có mục tiêu là đào tạo nghề và giải quyết việc làm đáp ứng nhu cầu việc làm của các nhóm phụ nữ yếu thế của thành phố, đặc biệt là hỗ trợ vốn vay ưu đãi để giúp phụ nữ yếu thế sản xuất, kinh doanh.

Đối với Hội Liên hiệp phụ nữ thành phố Long Xuyên

Nắm bắt nhu cầu việc làm của phụ nữ yếu thế tại địa phương một cách thường xuyên để kịp thời hỗ trợ, vận động đến lớp học nghề, đóng vai trò đầu mối kết nối phụ nữ yếu thế và doanh nghiệp địa

phương, thành lập câu lạc bộ kinh doanh, sản xuất theo ngành nghề, tuyên truyền xóa bỏ mặc cảm tâm lý, kêu gọi công đoàn xây dựng các chương trình nâng cao năng lực cho phụ nữ yếu thế tại công sở, vận động thành lập mới và phát huy vai trò của các tổ chức Hội đặc thù để tăng khả năng đáp ứng nhu cầu việc làm cho phụ nữ yếu thế.

Đối với phụ nữ yếu thế

Cần xác định rõ nhu cầu việc làm của mình trên cơ sở cân nhắc về trình độ học vấn, tay nghề, hoàn cảnh gia đình để có hướng học nghề, tìm kiếm việc làm và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ (nếu có) một cách phù hợp. Trên cơ sở nhu cầu cá nhân, phụ nữ yếu thế cần đề xuất với chính quyền, Hội phụ nữ địa phương để mở các lớp dạy nghề và giải quyết việc làm phù hợp với nhu cầu.

Chủ động tiếp cận với các cơ sở giới thiệu việc làm, các tổ chức Hội đặc thù, các kênh tuyển dụng để tăng khả năng tìm kiếm việc làm phù hợp nhu cầu; đồng thời, cần cố gắng khắc phục những mặc cảm tâm lý của bản thân để vươn lên trong công việc./.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2013), “Những phát hiện chính từ báo cáo quốc gia: An sinh xã hội cho phụ nữ và trẻ em gái ở Việt Nam”, http://www.unwomen.org/~media/field%20office%20eseasia/docs/publications/2014/4/unw_shortreport_vietnam_final_2.ashx?v=1&d=20141202T120254.
- [2]. Mai Ngọc Diệp (2008), *Thực trạng tái hòa nhập cộng đồng của phụ nữ và trẻ em bị buôn bán trở về ở tỉnh An Giang*, Đề tài cấp cơ sở, Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Xã hội và Nhân văn (Trường Đại học An Giang).
- [3]. Trương Minh Đức (2011), “Ứng dụng mô hình định lượng đánh giá mức độ tạo động lực làm việc cho nhân viên Công ty Trách nhiệm hữu hạn ERICSSON Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Kinh tế và Kinh doanh*, (số 27), tr. 240-247.
- [4]. Đàm Thị Thanh Hoa, Nguyễn Thu Anh, Dư, Saul Helfenbein và CS (2010), *Khảo sát nhu cầu việc làm và năng lực của người sống chung với HIV và người sau cai tại Hà Nội*, Tài liệu Hội nghị khoa học quốc gia về HIV/AIDS lần thứ 4.
- [5]. Nguyễn Thị Thu Hoài (2013), “Vấn đề việc làm của phụ nữ khuyết tật”, *Tạp chí Khoa học xã hội*, số 6 (178), tr. 8-15.
- [6]. Quách Thị Hồng (2010), *Thực trạng lao động việc làm của người nhập cư ở một số phường thuộc nội ô thành phố Long Xuyên*, Đề tài cấp cơ sở, Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Xã hội và Nhân văn (Trường Đại học An Giang).
- [7]. Bùi Xuân Nam (2010), *Nhu cầu việc làm của người khiếm thính tại thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- [8]. Trần Thị Thu Nguyệt (2012), *Thực trạng tìm việc làm của người khuyết tật trên địa bàn tỉnh An Giang*, Đề tài cấp cơ sở, Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Xã hội và Nhân văn (Trường Đại học An Giang).
- [9]. Phạm Văn Quyết và Phạm Anh Tuấn (2012), “Nhà nước Việt Nam với công tác hỗ trợ nhóm yếu thế”, *Kỷ yếu Hội thảo ngày Công tác xã hội Thế giới năm 2012*.

EMPLOYMENT DEMANDS AMONG CURRENT DISADVANTAGED WOMEN IN LONG XUYEN CITY, AN GIANG PROVINCE

This study aims at determining desires, expectations by current disadvantaged women concerning their employment. Thereby, it provides relevant data for planning vocational training and employment management policies for this woman group. A total of 384 working-age women disadvantaged from Long Xuyen city took part in the survey. Cronbach's Alpha inspection, factor analysis, description statistic and ANOVA were used in the study. The results reveal that the disadvantaged women are concerned more about daily-life necessities than about development. Especially, a stable job is prioritized for them.

Keywords: Employment demand, disadvantaged women, Long Xuyen city.

Ngày nhận bài: 10/11/2015; Ngày nhận lại: 28/12/2015; Ngày duyệt đăng: 15/8/2016.